

QUAN HỆ VIỆT - MỸ TRONG CÁI NHÌN CỦA "CHUẨN" ĐẠI SỨ MỸ TẠI VIỆT NAM

DANH ĐỨC

Với một hiệp định thương mại đang đi vào giai đoạn chót của việc phê chuẩn, với một "chuẩn" đại sứ tương lai là ông Raymond F. Burghardt, quan hệ Việt-Mỹ sẽ như thế nào, trong bối cảnh một tân chính phủ thuộc Đảng cộng hoà cho đến nay chưa biểu hiện một gì "kỳ lạ" trong quan hệ với Việt Nam, trong khi đó tân quốc hội Mỹ, đặc biệt là Hạ viện, đã bày tỏ một thái độ không thân hữu khi thông qua "dự luật về nhân quyền"? Trong bối cảnh đó, quan hệ kinh tế Việt-Mỹ tất yếu sẽ phải chịu nhiều tác động từ những động thái chính trị mới này. Đó là chưa kể đến những tác động khách quan như việc Trung quốc gia nhập WTO, đã cạnh tranh còn cạnh tranh hơn, và sự kiện ngày 11.9 khiến có thể dự báo một thái độ tiết kiệm trong chi tiêu của người tiêu dùng Mỹ.

Để có thể tiên liệu những tác động chủ quan trong quan hệ kinh tế Việt-Mỹ, có lẽ cũng cần thử tìm hiểu xem người đại diện tương lai của Mỹ tại Việt Nam, ông Burghardt, đang nghĩ gì trong đầu về công việc sắp tới của mình- nếu như Việt Nam chấp thuận việc bổ nhiệm ông này - cũng như trong quá khứ ông đã từng có một kinh nghiệm Việt Nam và châu Á như thế nào.

Trong cuộc điều trần ngày 6.11.2001 trước Tiểu ban đối ngoại Thượng viện Mỹ, ông Burghardt đã tự giới thiệu về "kinh nghiệm Việt Nam" của mình như sau:

"Tôi đã bắt đầu công tác trong ngành ngoại giao tại Việt Nam vào những năm chiến tranh, cách đây hơn 30 năm. Sau nhiều tháng làm việc với cơ quan viện trợ Mỹ (USAID trong công tác cứu trợ người tỵ nạn (chiến tranh), tôi đã phục vụ trong 2 năm tại sứ quán chúng ta tại Sài Gòn. Một trong những công tác chủ yếu của tôi là liên lạc giữa sứ quán và các tổ chức tôn giáo gồm Công giáo, Cao đài, Hoà Hảo. Sáu năm sau, khi tôi đang phục vụ tại Lãnh sự quán Mỹ tại Hồng Kông, công tác của tôi là hỗ trợ các thuyền nhân người Việt. Sau đó, tôi giữ chức phó giám đốc Văn phòng Việt Nam- Lào- Kambodia của Bộ ngoại giao. Tháng 3.1982, tôi tháp tùng trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Richard Armitage trong chuyến công cán đầu tiên đến Việt Nam thương lượng giải quyết vấn đề POW/MIA. Chính vì thế mà tôi hân hạnh được TT Bush chọn làm đại sứ thứ nhì của Mỹ tại Việt Nam kể từ sau bình thường hoá".

Đến đây, ông Burghardt tóm tắt di sản mà người tiền nhiệm của ông để lại và trình bày đại thể hướng công tác của ông như sau: "Đại sứ đầu tiên của chúng ta tại Hà Nội, Pete Peterson, đã hoàn tất nhiệm kỳ của mình một cách tuyệt vời và quyết tâm. Ông đã tạo được những tiền đề chủ yếu trong việc phát triển quan hệ hai nước. Nếu được phê chuẩn, tôi sẽ hưởng đến việc tiếp nối công việc ngoan mục của ông Pete Peterson. Để thúc đẩy

các quyền lợi của chúng ta tại Việt Nam, sẽ cần đến sự tiếp tục cộng tác chặt chẽ giữa hành pháp và lập pháp. Trong hai nhiệm sở cuối cùng của tôi là giám đốc Viện Mỹ tại Đài Loan (một bình phong-sứ quán do chỉ có thể có một đại sứ Mỹ tại Bắc Kinh- chủ tịch của người viết) và Tổng lãnh sự tại Thượng Hải, tôi đã từng hân hạnh đón tiếp nhiều thành viên thuộc tiểu ban đối ngoại ở Thượng và Hạ viện. Nếu được phê chuẩn bởi Thượng viện, tôi hy vọng sẽ đón tiếp ngài chủ tịch Tiểu ban (tức nghị sĩ John Kerry- người viết) cùng quý thành viên khác của tiểu ban. Nếu được phê chuẩn, nhiệm vụ tiên quyết của tôi sẽ là bảo vệ các công dân Mỹ và quảng bá các quyền lợi của chúng ta, trong khi vẫn bồi dưỡng và phát triển quan hệ với giới lãnh đạo và nhân dân Việt Nam sao cho hai nước cùng hưởng lợi. Tôi sẽ làm việc một cách miễn cưỡng nhằm tiếp tục có được sự cộng tác của Việt Nam trong công tác kiểm kê một cách trọn vẹn nhất trong phạm vi có thể được các nhân viên của chúng ta bị mất tích trong chiến tranh Việt Nam."

Mãi đến đây, ông Burghardt mới đề cập đến quan hệ kinh tế: "Việc phê chuẩn (từ phía Mỹ, người viết), bản Hiệp định thương mại là một cột mốc trong quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam. Cả hai bên đều cùng hưởng lợi từ hiệp định này. Việt Nam nay sẽ có thể xuất khẩu các sản phẩm của mình sang Mỹ với thuế suất bình thường áp dụng cho mọi nước khác trên thế giới. Đồng thời, Việt Nam cũng sẽ tiến hành các cải cách kinh tế có ý nghĩa. Các cải cách này sẽ tạo ra những cơ hội hơn nữa cho hoạt động kinh doanh của Mỹ tại Việt Nam và sẽ chuẩn bị cho việc Việt Nam gia nhập WTO trong tương lai. Mỹ sẽ cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam trong các nỗ lực thực thi hiệp định này".

Đến đây, ông Burghardt đưa ra một số nhận định "không thể thiếu được" trong mọi hoạt động ngoại giao của Mỹ với các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển: "Quảng bá các quyền lợi của Mỹ ở nước ngoài còn bao gồm việc quảng bá các giá trị Mỹ. Tôi sẽ tiếp tục đối thoại thẳng thắn về nhân quyền, về tự do tôn giáo, về quyền lợi của người lao động, và mọi khía cạnh khác của nhân quyền. Đây sẽ tiếp tục là vấn đề cơ bản trong quan hệ song phương". Quan hệ Mỹ và các nước, kể cả với Việt Nam, cũng đã có thêm những nét mới: "Từ sau các cuộc tấn công khủng bố ngày 11.9, chúng ta đã tìm kiếm sự cộng tác của Việt Nam trong cuộc chiến chống khủng bố. Chính phủ Việt Nam đã bày tỏ sự ủng hộ của mình và cung cấp các biện pháp bảo vệ an ninh bổ sung cho các công dân và tài

sản của chúng ta. Việt Nam cũng đã sử dụng các thông tin do ta cung cấp để tiến hành kiểm tra nhập cảnh và kiểm tra các tài khoản ngân hàng nhằm đảm bảo cho Việt Nam không bị bọn khủng bố sử dụng như là một căn cứ hoạt động của chúng. Nếu được bổ nhiệm, tôi sẽ tìm cách tăng cường sự cộng tác chống khủng bố".

Cuối cùng, ông Burghardt kết luận bằng những "ngôn từ ngoại giao" song không thiếu ẩn ý: "Mỹ mong muốn thấy một Việt Nam thịnh vượng phát triển được tiềm năng của 78 triệu dân của mình. Nhân dân Việt Nam nổi tiếng là sáng tạo, tháo vát và đặt nặng giá trị của việc học vấn. Sự thành công của cộng đồng người Mỹ gốc Việt là kết quả của các đặc tính này. Một Việt Nam thịnh vượng và tự tin có thể đóng góp lớn lao cho nền hoà bình và an ninh khu vực Đông Á. Chúng tôi tìm kiếm một quan hệ cộng tác và xây dựng với một Việt Nam như là một thành viên tự tin của cộng đồng quốc tế".

Sẽ không thừa thãi khi tóm tắt nội dung điều trần của ông Burghardt qua các ưu tiên theo thứ tự sau:

1 - Bảo vệ các công dân và quảng bá các quyền lợi của Mỹ tại Việt Nam.

2 - Kiểm kê một cách trọn vẹn nhất trong phạm vi có thể được các trường hợp MIA.

3 - Quảng bá các giá trị Mỹ.

Có thể thấy nơi viên chức ngoại giao đã có quá nhiều "kinh nghiệm Việt Nam" như "kinh nghiệm USAID", "kinh nghiệm liên lạc tôn giáo", "kinh nghiệm cứu trợ thuyền nhân", "kinh nghiệm thương thuyết MIA", cũng như các "kinh nghiệm Trung Quốc", cộng với vốn liếng ngoại ngữ khá dồi dào - tiếng Việt, tiếng Pháp (cần thiết tại một nước francophone như Việt Nam), nhiều "đề tài tranh luận" từ như "giá trị Mỹ" mà ông quảng bá đối chiếu với các "giá trị Việt Nam" mà chúng ta bảo vệ. Cũng có thể thấy trong góc độ kinh tế một sự cần nhắc cần thiết giữa cái chung là giao thương với cả thế giới trong những điều kiện bình đẳng với họ (tỉ như thuế suất bình thường mà cùng với một vài nước khác, ta chưa được hưởng) và cái riêng là những "món hàng bán kèm" mà Mỹ không ngừng "rao bán".

Chỉ với sự tự tin và quyết tâm biến các tiềm năng, trong đó cả tiềm năng tri thức (tiên sĩ, thực sĩ, cử nhân, kỹ sư ngày càng tăng), thành một hiện thực trị hành, chúng ta mới có thể đạt được ý muốn trong cuộc đối thoại sắp tới với một tân chính quyền và quốc hội Mỹ cũng như cuộc giao thương với Mỹ.